

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT AN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET AN PHAT IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400937111

**3. Ngày thành lập:** 15/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phố Thống Nhất, Thị Trấn Bó Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0988362380

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                           | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                            | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                            | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Buôn bán máy móc chế biến thực phẩm, máy chiết giọt thực phẩm, máy cơ khí, máy nông nghiệp... (các loại máy phục vụ sản xuất), máy móc liên quan đến sản xuất nhựa (chai, bình), máy lọc nước gia đình và công nghiệp, nước tinh khiết đóng chai,... | 4659        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Buôn bán nhựa và các thiết bị liên quan đến ngành nhựa                                                                                                                                                                                             | 4669        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                              | 8299(Chính) |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                        | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                   | 6820                                                         |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4721                                                         |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                         | 4722                                                         |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4723                                                         |
| 16. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                    | 1075                                                         |
| 17. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                           | 1079                                                         |
| 18. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                            | 1080                                                         |
| 19. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                            | 1101                                                         |
| 20. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                       | 1103                                                         |
| 21. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước sạch, nước uống tinh khiết, đóng bình, đóng chai                                                                                                                                      | 1104                                                         |
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất chai pet, hdpe                                                                                                                                                                                        | 2220                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                           | 4933                                                         |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                              | 5210                                                         |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                         | 5224                                                         |
| 26. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy lọc nước                                                                                                                                                                         | 3290                                                         |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                               | 3312                                                         |
| 28. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ LÝ      | Việt Nam  | Thôn Đông Kênh, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam   | 600.000.000           | 30,000    | 024187019541                                                                                            |         |
| 2   | ĐỖ TIẾN THẾ    | Việt Nam  | Thôn Đông Kênh, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam   | 1.400.000.000         | 70,000    | 024080009579                                                                                            |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 15/04/2022 đến ngày 15/05/2022

\* Họ và tên: ĐỖ TIẾN THỀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024080009579

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đông Kênh, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đông Kênh, Xã Đông Sơn, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang